

**AGON**  
BY AOC

# TRỞ THÀNH HUYỀN THOẠI CUỐI CÙNG

POWERED BY

## AG276QZD



G-MENU



LOW INPUT LAG



AGON PRO AG276QZD là một màn hình chơi game OLED QHD 27 inch trang bị một loạt các đổi mới cạnh tranh cho trải nghiệm chơi game vô song. Công nghệ OLED kết hợp với HDR10 và công nghệ tương thích G-Sync mang lại chất lượng hình ảnh hoàn hảo với độ sáng và màu sắc vượt trội, trong khi tốc độ làm mới siêu nhanh 240Hz, độ trễ đầu vào thấp và thời gian phản hồi không thể so sánh 0,03ms GTG đảm bảo trải nghiệm mượt mà, sắc nét và thực sự thu hút. Màn hình đột phá này cung cấp tất cả các tính năng này trong một thiết kế mượt mà bao gồm một chân cơ sở được tối ưu hóa cho eSports để phù hợp với sở thích chơi game, mang lại hiệu suất và tùy chỉnh tốt hơn. Quản lý cấp tích hợp và ánh sáng RGB LightFX tùy chỉnh để phù hợp với các phụ kiện AGON của AOC hoàn thiện vẻ ngoài của AG276QZD. Red Dot Winner 2023

- **OLED cho trò chơi cực nhanh và hoàn hảo**
- **Tần số quét 240Hz**
- **Trải nghiệm trò chơi tốt nhất với HDR10**
- **Tương thích với G-SYNC**
- **Giảm độ trễ đầu vào**
- **Độ phân giải QHD**

# OLED CHO TRÒ CHƠI CỰC NHANH VÀ HOÀN HẢO

Đưa trải nghiệm chơi game của bạn lên một tầm cao mới với công nghệ OLED! OLED cung cấp độ sắc nét, tương phản và độ sâu màu sắc vượt trội, mang đến chất lượng hình ảnh hoàn hảo. Điều này dẫn đến trải nghiệm chơi game với độ trễ đầu vào cực thấp, làm cho trải nghiệm chơi game của bạn vượt trội, mượt mà và hấp dẫn hơn bao giờ hết. Gói trọn gói, cho những khoảnh khắc khó quên.



## TRẢI NGHIỆM TRÒ CHƠI TỐT NHẤT VỚI HDR10

HDR10 đã có mặt để cải thiện chất lượng hình ảnh hơn nữa, cải thiện đồng bộ hóa GPU hoặc console của bạn với màn hình. Điều này tạo ra trải nghiệm chơi game sống động, thú vị và mượt mà hơn: Bạn sẽ cảm thấy như đang bước vào trò chơi, từng khung hình.

## GIẢM ĐỘ TRỄ ĐẦU VÀO

Tăng cường phản xạ của bạn bằng cách chuyển sang chế độ Low Input Lag trên màn hình AOC. Chế độ này sẽ tinh chỉnh lại màn hình để tối ưu thời gian phản hồi, mang lại lợi thế tuyệt đối trong các tình huống đấu súng đòi hỏi phản xạ nhanh nhạy.



## TẦN SỐ QUÉT 240HZ

Tần số quét 240Hz hoàn toàn giải phóng sức mạnh của các card đồ họa cao cấp, mang lại sự mượt mà chưa từng có cho hình ảnh trên màn hình của bạn. Với mọi chi tiết rõ ràng và mọi chuyển động được hiển thị với độ nét cao và đưa trò chơi của bạn lên một tầm cao mới.



## TƯƠNG THÍCH VỚI G-SYNC

Kích hoạt chất lượng hình ảnh hoàn hảo bằng cách đồng bộ hóa các thế hệ card đồ họa NVIDIA mới\* với màn hình FreeSync này. \*Vui lòng tham khảo trang web NVIDIA để biết danh sách đầy đủ các GPU hoạt động với màn hình FreeSync





## ĐỘ PHÂN GIẢI QHD

Với độ phân giải 2560 x 1440, Quad HD (QHD) mang đến chất lượng hình ảnh vượt trội và hình ảnh sắc nét thể hiện những chi tiết nhỏ nhất. Tỷ lệ khung hình 16:9 màn ảnh rộng cung cấp nhiều không gian để trải rộng và làm việc, đồng thời cho phép bạn thưởng thức các trò chơi hoặc phim ở kích thước gốc.

| TỔNG QUAN             |               |
|-----------------------|---------------|
| Tên mẫu               | AG276QZD      |
| Thương hiệu           | AOC           |
| Kênh                  | Gaming        |
| Dòng sản phẩm         | AGON PRO      |
| Dòng thiết kế         | AG6           |
| Ngày ra mắt (dự kiến) | 20/06/2023    |
| EAN                   | 4038986180931 |

| HIỂN THỊ THÔNG TIN               |                |
|----------------------------------|----------------|
| Kích thước màn hình (inch)       | 26,5           |
| Kích thước màn hình (cm)         | 67,3           |
| Phẳng/Cong                       | Flat           |
| Độ cứng của màn hình hiển thị    | 2H             |
| Xử lý bảng điều khiển            | Antiglare (AG) |
| Mật độ điểm ảnh (mm)             | 0,2292         |
| Điểm ảnh trên mỗi inch           | 110,8          |
| Độ phân giải của bảng điều khiển | 2560x1440      |
| Tỷ lệ khung hình                 | 16:9           |
| Loại bảng điều khiển             | OLED           |
| Max Tốc độ làm mới               | 240 Hz         |
| Thời gian phản hồi GtG           | 0.03 ms        |
| Tỷ lệ tương phản động            | 80M:1          |
| Góc nhìn (CR10)                  | 178/178        |
| Màu sắc màn hình hiển thị        | 1.07 Billion   |
| Brightness in nits               | 1000 cd/m2     |

| TÍNH NĂNG VIDEO                          |                                    |
|------------------------------------------|------------------------------------|
| Công nghệ đồng bộ (VRR)                  | Adaptive Sync                      |
| NVIDIA G-SYNC™                           | NVIDIA G-SYNC Compatible           |
| AMD FreeSync™                            | AMD FreeSync Premium               |
| Tần số tín hiệu số dọc                   | 48-144Hz(HDMI)<br>48-240Hz(DP)     |
| Tần số tín hiệu số ngang                 | 30k-230kHz(HDMI)<br>30k-255kHz(DP) |
| HDR (Dải tương phản động rộng)           | HDR 10                             |
| Công nghệ loại bỏ ánh sáng xanh          | Low Blue Light                     |
| Phát đồng thời nhiều nội dung (PbP, PiP) | PbP                                |
| Không gian màu (sRGB) CIE 1931 %         | 136,7                              |
| Không gian màu (sRGB) CIE 1976 %         | 100,0                              |
| Không gian màu (DCI-P3) CIE 1931 %       | 98,3                               |
| Không gian màu (DCI-P3) CIE 1976 %       | 98,5                               |
| Không gian màu (Adobe RGB) CIE 1931 %    | 91,9                               |
| Không gian màu (Adobe RGB) CIE 1976 %    | 96,9                               |
| Flicker-Free                             | Flicker Free                       |

| THÔNG TIN TỬ                |         |
|-----------------------------|---------|
| Màu viền (mặt trước)        | Black   |
| Màu tử (mặt sau)            | Black   |
| Lớp hoàn thiện tử (mặt sau) | Texture |
| Chân đế có thể tháo rời     | Có      |
| Công suất loa               | 5 W x 2 |
| Khóa Kensington             | Có      |
| Giá treo tường Vesa         | 100x100 |
| Webcam                      | No      |

| CÔNG THÁI HỌC             |                       |
|---------------------------|-----------------------|
| Nghiêng                   | -4° ±1° ~ 21.5° ±1.5° |
| Điều chỉnh chiều cao (mm) | 130mm                 |
| Khớp xoay                 | -30° ±2° ~ 30° ±2°    |
| Trục                      | Yes                   |

| TÍNH NĂNG CHƠI TRÒ CHƠI       |                                                                          |
|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| Phong cách chơi trò chơi      | Shooters, MMORPG, Action, eSports, RTS, FPS (eSports), Beat'm up, Racing |
| Chế độ chơi                   | RTS, FPS, Racing, Gamer 1, Gamer 2, Off                                  |
| Sự tiện lợi khi chơi trò chơi | G-menu                                                                   |
| PS5 Compatibility             | 2560x1440@120Hz                                                          |
| Xbox X Compatibility          | 2560x1440@120Hz                                                          |
| Xbox S Compatibility          | 2560x1440@120Hz                                                          |



| SỰ BỀN VỮNG                                              |              | THÔNG TIN KẾT NỐI                                    |                                                | THÔNG TIN KHÁC    |         |
|----------------------------------------------------------|--------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------|---------|
| Tuân thủ quy định REACH                                  | Có           | HDMI                                                 | HDMI 2.0 x 2                                   | Thời hạn bảo hành | 3 years |
| Tuân thủ chỉ thị RoHS                                    | Có           | Cổng màn hình hiển thị                               | DisplayPort 1.4 x 2                            |                   |         |
|                                                          |              | Bộ chia USB                                          | Có                                             |                   |         |
|                                                          |              | Cổng kết nối màn hình và USB                         | 2                                              |                   |         |
|                                                          |              | Đầu ra âm thanh                                      | Headphone out (3.5mm)                          |                   |         |
|                                                          |              | Tốc độ của bộ chia USB                               | USB 3.2 (Gen 1) (2 USB downstream ports) 5Gbit |                   |         |
|                                                          |              | D-SUB (VGA)                                          | 0x                                             |                   |         |
|                                                          |              | DVI                                                  | 0x                                             |                   |         |
| CÔNG SUẤT TIÊU THỤ                                       |              | KÍCH THƯỚC SẢN PHẨM                                  |                                                |                   |         |
| Nguồn cấp điện                                           | External     | Kích thước sản phẩm bao gồm cả đế (RxCxS) mm         | 604.4 (W) × (396.6~526.6) (H) × 233.9 (D)      |                   |         |
| Công suất tiêu thụ khi bật (thông thường) tính bằng watt | 35,0         | Kích thước sản phẩm không bao gồm đế (RxCxS) mm      | 604.4(W) × 350.6(H) x 71.3 (D)                 |                   |         |
| Công suất tiêu thụ ở chế độ chờ tính bằng watt           | 0,5          | Kích thước đóng gói (RxCxS) mm                       | 731W x 477H x 189D                             |                   |         |
| Công suất tiêu thụ khi tắt tính bằng watt                | 0,3          | Tổng trọng lượng bao gồm cả bao bì (tính bằng kg)    | 10,33                                          |                   |         |
| Lớp năng lượng                                           | F            | Trọng lượng tịnh không bao gồm bao bì (tính bằng kg) | 6,41                                           |                   |         |
| TUÂN THỦ QUY ĐỊNH                                        |              | Sản phẩm không kèm chân đế (kg)                      | 4,91                                           |                   |         |
| CB                                                       | Có           | TRONG HỘP CÓ NHỮNG GÌ                                |                                                |                   |         |
| CE                                                       | Có           | Cáp HDMI                                             | 1.8                                            |                   |         |
| TUV-Bauart-Mark                                          | Có           | Cáp nối cổng màn hình hiển thị                       | 1.8                                            |                   |         |
| ISO 9241-307                                             | Có           | Cáp USB-B nối màn hình với máy tính                  | 1.8                                            |                   |         |
| FCC                                                      | Có           |                                                      |                                                |                   |         |
| Microsoft WHQL                                           | Có           |                                                      |                                                |                   |         |
| Chính sách điểm ảnh                                      | ISO 9241-307 |                                                      |                                                |                   |         |